

đl HCC

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2625/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 31 tháng 7 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định số lượng định suất, mức hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức và những người làm việc tại Trung tâm Hành chính công, Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện, cấp xã

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 121/2018/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai khóa IX, kỳ họp thứ 6 hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại Trung tâm hành chính công tỉnh, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 2505/TTr-SNV ngày 30/7/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định số lượng định suất, mức hỗ trợ cho cán bộ, công chức, viên chức và những người làm việc tại Trung tâm Hành chính công, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (*Danh sách Phụ lục kèm theo*).

Điều 2. Trách nhiệm thực hiện:

1. Giám đốc Sở Nội vụ có trách nhiệm kiểm tra, theo dõi việc thực hiện Quyết định này; phối hợp Văn phòng UBND tỉnh rà soát, ban hành Quyết định nhân sự tại Trung tâm Hành chính công tỉnh; chủ trì hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương quy trình thực hiện hỗ trợ, thẩm định đề xuất mức hỗ trợ và số lượng định suất của các đơn vị, địa phương; tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh điều chỉnh danh sách các đơn vị cụ thể, mức hỗ trợ và số lượng định suất tương ứng theo quy định (*trường hợp có thay đổi*).

2. Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn có trách nhiệm chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện đảm bảo đúng theo quy định tại Quyết định này; tham mưu, ban hành Quyết định nhân sự Bộ phận một cửa của đơn vị; thực hiện rà soát, đánh giá và chịu trách nhiệm về kết quả giải quyết thủ tục hành chính hàng năm, số lượng người

làm việc của Bộ phận một cửa đơn vị và các đơn vị trực thuộc để làm cơ sở xác định mức hỗ trợ tương ứng cho các năm tiếp theo.

3. Giám đốc Sở Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc sử dụng kinh phí thực hiện Quyết định này.

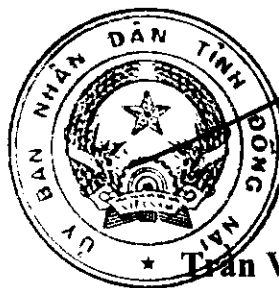
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/8/2018.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, các cơ quan ngành dọc thuộc tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa và Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- TT. Tỉnh ủy; TT.HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- Chánh, PVP UBND tỉnh;
- Các sở, ban ngành;
- Cơ quan ngành dọc thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, TX. LK, TP. BH;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- Lưu: VT, KT, HCC.

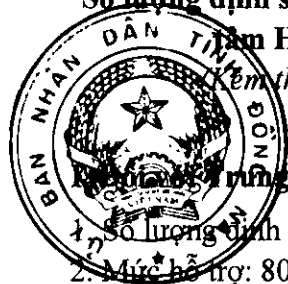
**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Văn Vĩnh

DANH SÁCH

Số lượng định suất và mức hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức và những người làm việc tại Trung tâm Hành chính công tỉnh, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện, cấp xã
Kèm theo Quyết định số 2625/QĐ-UBND ngày 31/7/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh)



Trung tâm Hành chính công tỉnh

1. Số lượng định suất: 41 người

2. Mức hỗ trợ: 80.000 đồng/người/ngày

II. Đối với Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện, cấp xã

Stt	Đơn vị hành chính cấp huyện	Tên đơn vị	Số lượng Định suất	Mức hỗ trợ
I	BIÊN HÒA	BỘ PHẬN MỘT CỬA THÀNH PHỐ	21	Mức 2
1	BIÊN HÒA	Phường Trảng Dài	8	Mức 1
2	BIÊN HÒA	Phường Long Bình	7	Mức 1
3	BIÊN HÒA	Phường Tam Hiệp	7	Mức 2
4	BIÊN HÒA	Phường An Bình	7	Mức 2
5	BIÊN HÒA	Phường Tân Mai	6	Mức 2
6	BIÊN HÒA	Phường Tân Hiệp	6	Mức 2
7	BIÊN HÒA	Phường Quyết Thắng	6	Mức 2
8	BIÊN HÒA	Phường Trung Dũng	6	Mức 2
9	BIÊN HÒA	Phường Tân Tiến	7	Mức 3
10	BIÊN HÒA	Xã Tam Phước	7	Mức 3
11	BIÊN HÒA	Phường Tân Hòa	6	Mức 3
12	BIÊN HÒA	Xã Phước Tân	6	Mức 3
13	BIÊN HÒA	Phường Thống Nhất	6	Mức 3
14	BIÊN HÒA	Phường Bửu Long	6	Mức 3
15	BIÊN HÒA	Phường Tân Phong	6	Mức 3
16	BIÊN HÒA	Phường Long Bình Tân	6	Mức 3
17	BIÊN HÒA	Xã Hóa An	6	Mức 3
18	BIÊN HÒA	Phường Quang Vinh	6	Mức 3
19	BIÊN HÒA	Phường Tân Biên	6	Mức 3
20	BIÊN HÒA	Xã An Hòa	5	Mức 3
21	BIÊN HÒA	Phường Hồ Nai	5	Mức 3
22	BIÊN HÒA	Phường Tân Vạn	5	Mức 3
23	BIÊN HÒA	Xã Tân Hạnh	5	Mức 3
24	BIÊN HÒA	Xã Long Hưng	5	Mức 3
25	BIÊN HÒA	Phường Thanh Bình	5	Mức 3
26	BIÊN HÒA	Phường Tam Hòa	5	Mức 3
27	BIÊN HÒA	Phường Hòa Bình	5	Mức 3
28	BIÊN HÒA	Xã Hiệp Hòa	5	Mức 3
29	BIÊN HÒA	Phường Bình Đa	5	Mức 3

Stt	Đơn vị hành chính cấp huyện	Tên đơn vị	Số lượng Định suất	Mức hỗ trợ
30	BIÊN HÒA	Phường Bửu Hòa	5	Mức 3
II	CẨM MỸ	BỘ PHẬN MỘT CỬA HUYỆN	9	Mức 3
1	CẨM MỸ	Xã Sông Ray	7	Mức 3
2	CẨM MỸ	Xã Sông Nhạn	7	Mức 3
3	CẨM MỸ	Xã Xuân Quế	5	Mức 3
4	CẨM MỸ	Xã Xuân Tây	5	Mức 3
5	CẨM MỸ	Xã Bảo Bình	5	Mức 3
6	CẨM MỸ	Xã Long Giao	5	Mức 3
7	CẨM MỸ	Xã Xuân Đông	5	Mức 3
8	CẨM MỸ	Xã Xuân Mỹ	5	Mức 3
9	CẨM MỸ	Xã Lâm Sơn	4	Mức 3
10	CẨM MỸ	Xã Thừa Đức	4	Mức 3
11	CẨM MỸ	Xã Xuân Đường	4	Mức 3
12	CẨM MỸ	Xã Xuân Bảo	3	Mức 3
13	CẨM MỸ	Xã Nhân Nghĩa	3	Mức 3
III	ĐỊNH QUÁN	BỘ PHẬN MỘT CỬA HUYỆN	11	Mức 3
1	ĐỊNH QUÁN	Thị trấn Định Quán	6	Mức 3
2	ĐỊNH QUÁN	Xã Thanh Sơn	6	Mức 3
3	ĐỊNH QUÁN	Xã Phú Ngọc	6	Mức 3
4	ĐỊNH QUÁN	Xã La Ngà	6	Mức 3
5	ĐỊNH QUÁN	Xã Phú Lợi	6	Mức 3
6	ĐỊNH QUÁN	Xã Túc Trung	5	Mức 3
7	ĐỊNH QUÁN	Xã Phú Cường	5	Mức 3
8	ĐỊNH QUÁN	Xã Gia Canh	5	Mức 3
9	ĐỊNH QUÁN	Xã Phú Tân	5	Mức 3
10	ĐỊNH QUÁN	Xã Phú Vinh	5	Mức 3
11	ĐỊNH QUÁN	Xã Ngọc Định	4	Mức 3
12	ĐỊNH QUÁN	Xã Phú Hòa	4	Mức 3
13	ĐỊNH QUÁN	Xã Phú Túc	4	Mức 3
14	ĐỊNH QUÁN	Xã Suối Nho	3	Mức 3
IV	LONG KHÁNH	BỘ PHẬN MỘT CỬA THỊ XÃ	13	Mức 3
1	LONG KHÁNH	Phường Xuân An	6	Mức 3
2	LONG KHÁNH	Xã Hàng Gòn	6	Mức 3
3	LONG KHÁNH	Phường Xuân Bình	5	Mức 3
4	LONG KHÁNH	Phường Xuân Trung	5	Mức 3
5	LONG KHÁNH	Xã Xuân Tân	5	Mức 3
6	LONG KHÁNH	Xã Suối Tre	5	Mức 3
7	LONG KHÁNH	Phường Xuân Hoà	5	Mức 3

Stt	Đơn vị hành chính cấp huyện	Tên đơn vị	Số lượng Định suất	Mức hỗ trợ
8	LONG KHÁNH	Xã Xuân Lập	5	Mức 3
9	LONG KHÁNH	Xã Bảo Quang	5	Mức 3
10	LONG KHÁNH	Xã Bình Lộc	4	Mức 3
11	LONG KHÁNH	Xã Bàu Trâm	4	Mức 3
12	LONG KHÁNH	Xã Bảo Vinh	4	Mức 3
13	LONG KHÁNH	Phường Phú Bình	4	Mức 3
14	LONG KHÁNH	Phường Xuân Thanh	3	Mức 3
15	LONG KHÁNH	Xã Bàu Sen	3	Mức 3
V	LONG THÀNH	BỘ PHẬN MỘT CỬA HUYỆN	24	Mức 1
1	LONG THÀNH	UBND Xã Bàu Cạn	7	Mức 2
2	LONG THÀNH	UBND Xã Long Phước	7	Mức 2
3	LONG THÀNH	UBND Xã An Phước	7	Mức 2
4	LONG THÀNH	UBND Xã Phước Thái	6	Mức 2
5	LONG THÀNH	UBND Xã Long An	6	Mức 2
6	LONG THÀNH	UBND TT Long Thành	6	Mức 2
7	LONG THÀNH	UBND Xã Tam An	5	Mức 2
8	LONG THÀNH	UBND Xã Bình Sơn	5	Mức 2
9	LONG THÀNH	UBND Xã Phước Bình	5	Mức 2
10	LONG THÀNH	UBND Xã Cẩm Đường	5	Mức 2
11	LONG THÀNH	UBND Xã Long Đức	4	Mức 2
12	LONG THÀNH	UBND Xã Tân Hiệp	4	Mức 2
13	LONG THÀNH	UBND Xã Suối Trầu	4	Mức 2
14	LONG THÀNH	UBND Xã Bình An	4	Mức 2
15	LONG THÀNH	UBND Xã Lộc An	3	Mức 2
VI	NHƠN TRẠCH	BỘ PHẬN MỘT CỬA HUYỆN	15	Mức 3
1	NHƠN TRẠCH	Xã Hiệp Phước	6	Mức 3
2	NHƠN TRẠCH	Xã Long Thọ	6	Mức 3
3	NHƠN TRẠCH	Xã Vĩnh Thanh	6	Mức 3
4	NHƠN TRẠCH	Xã Phước Thiện	5	Mức 3
5	NHƠN TRẠCH	Xã Phước Khánh	5	Mức 3
6	NHƠN TRẠCH	Xã Phú Hữu	5	Mức 3
7	NHƠN TRẠCH	Xã Phú Đông	5	Mức 3
8	NHƠN TRẠCH	Xã Phú Hội	5	Mức 3
9	NHƠN TRẠCH	Xã Phú Thạnh	5	Mức 3
10	NHƠN TRẠCH	Xã Phước An	5	Mức 3
11	NHƠN TRẠCH	Xã Đại Phước	5	Mức 3
12	NHƠN TRẠCH	Xã Long Tân	3	Mức 3
VII	TÂN PHÚ	BỘ PHẬN MỘT CỬA HUYỆN	11	Mức 3

Stt	Đơn vị hành chính cấp huyện	Tên đơn vị	Số lượng Định suất	Mức hỗ trợ
1	TÂN PHÚ	Xã Phú Xuân	6	Mức 3
2	TÂN PHÚ	Xã Phú Lập	5	Mức 3
3	TÂN PHÚ	Xã Phú Thanh	5	Mức 3
4	TÂN PHÚ	Xã Nam Cát Tiên	5	Mức 3
6	TÂN PHÚ	Xã Phú Lộc	5	Mức 3
7	TÂN PHÚ	Thị trấn Tân Phú	5	Mức 3
5	TÂN PHÚ	Xã Phú Sơn	4	Mức 3
8	TÂN PHÚ	Xã Phú Lâm	4	Mức 3
9	TÂN PHÚ	Xã Tà Lài	4	Mức 3
10	TÂN PHÚ	Xã Phú Bình	3	Mức 3
11	TÂN PHÚ	Xã Phú Điền	3	Mức 3
12	TÂN PHÚ	Xã Đắc Lư	3	Mức 3
13	TÂN PHÚ	Xã Thanh Sơn	3	Mức 3
14	TÂN PHÚ	Xã Núi Tượng	3	Mức 3
15	TÂN PHÚ	Xã Phú Trung	3	Mức 3
16	TÂN PHÚ	Xã Phú Thịnh	3	Mức 3
17	TÂN PHÚ	Xã Trà Cỏ	3	Mức 3
18	TÂN PHÚ	Xã Phú An	3	Mức 3
VIII	THỐNG NHẤT	BỘ PHẬN MỘT CỬA HUYỆN	11	Mức 3
1	THỐNG NHẤT	Xã Hưng Lộc	6	Mức 3
2	THỐNG NHẤT	Xã Gia Tân 3	5	Mức 3
3	THỐNG NHẤT	Xã Quang Trung	5	Mức 3
4	THỐNG NHẤT	Xã Xuân Thạnh	5	Mức 3
5	THỐNG NHẤT	Xã Gia Tân 2	5	Mức 3
6	THỐNG NHẤT	Xã Bàu Hàm 2	5	Mức 3
7	THỐNG NHẤT	Xã Gia Kiệm	5	Mức 3
8	THỐNG NHẤT	Xã Gia Tân 1	4	Mức 3
9	THỐNG NHẤT	Xã Lộ 25	3	Mức 3
10	THỐNG NHẤT	Xã Xuân Thiện	3	Mức 3
IX	TRẢNG BOM	BỘ PHẬN MỘT CỬA HUYỆN	17	Mức 1
1	TRẢNG BOM	Xã Hố Nai 3	7	Mức 1
2	TRẢNG BOM	Xã Đồi 61	6	Mức 3
3	TRẢNG BOM	Xã Bắc Sơn	6	Mức 3
4	TRẢNG BOM	Xã Tây Hòa	6	Mức 3
5	TRẢNG BOM	Xã Đông Hòa	6	Mức 3
6	TRẢNG BOM	Xã Sông Trầu	6	Mức 3
7	TRẢNG BOM	Xã Bàu Hàm	5	Mức 3
8	TRẢNG BOM	Xã Quảng Tiến	5	Mức 3

Stt	Đơn vị hành chính cấp huyện	Tên đơn vị	Số lượng Định suất	Mức hỗ trợ
9	TRẢNG BOM	Xã Thanh Bình	5	Mức 3
10	TRẢNG BOM	Thị trấn Trảng Bom	5	Mức 3
11	TRẢNG BOM	Xã Bình Minh	5	Mức 3
12	TRẢNG BOM	Xã Trung Hòa	5	Mức 3
13	TRẢNG BOM	Xã Sông Thao	5	Mức 3
14	TRẢNG BOM	Xã Giang Điền	5	Mức 3
15	TRẢNG BOM	Xã Hưng Thịnh	4	Mức 3
16	TRẢNG BOM	Xã Cây Gáo	4	Mức 3
17	TRẢNG BOM	Xã An Viễn	4	Mức 3
X	VĨNH CỬU	BỘ PHẬN MỘT CỬA HUYỆN	13	Mức 3
1	VĨNH CỬU	Thị trấn Vĩnh An	6	Mức 1
2	VĨNH CỬU	Xã Thạnh Phú	7	Mức 3
3	VĨNH CỬU	Xã Tân An	5	Mức 2
4	VĨNH CỬU	Xã Vĩnh Tân	6	Mức 3
5	VĨNH CỬU	Xã Phú Lý	5	Mức 3
6	VĨNH CỬU	Xã Tân Bình	5	Mức 3
7	VĨNH CỬU	Xã Bình Lợi	5	Mức 3
8	VĨNH CỬU	Xã Thiện Tân	5	Mức 3
9	VĨNH CỬU	Xã Bình Hòa	5	Mức 3
10	VĨNH CỬU	Xã Mã Đà	4	Mức 3
11	VĨNH CỬU	Xã Trị An	4	Mức 3
12	VĨNH CỬU	Xã Hiếu Liêm	3	Mức 3
XI	XUÂN LỘC	BỘ PHẬN MỘT CỬA HUYỆN	13	Mức 3
1	XUÂN LỘC	Thị trấn Gia Ray	7	Mức 3
2	XUÂN LỘC	Xã Xuân Trường	6	Mức 3
3	XUÂN LỘC	Xã Xuân Hưng	6	Mức 3
4	XUÂN LỘC	Xã Xuân Thọ	5	Mức 3
5	XUÂN LỘC	Xã Xuân Bắc	5	Mức 3
6	XUÂN LỘC	Xã Xuân Tâm	5	Mức 3
7	XUÂN LỘC	Xã Xuân Định	5	Mức 3
8	XUÂN LỘC	Xã Suối Cát	5	Mức 3
9	XUÂN LỘC	Xã Xuân Thành	5	Mức 3
10	XUÂN LỘC	Xã Xuân Phú	5	Mức 3
11	XUÂN LỘC	Xã Xuân Hiệp	5	Mức 3
12	XUÂN LỘC	Xã Xuân Hòa	5	Mức 3
13	XUÂN LỘC	Xã Bảo Hoà	5	Mức 3
14	XUÂN LỘC	Xã Lang Minh	4	Mức 3
15	XUÂN LỘC	Xã Suối Cao	4	Mức 3